

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VICHY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VICHY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VICHY COMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VICHY COMMUNICATION .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109622739

**3. Ngày thành lập:** 07/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2, ngõ 90, đường Bưởi, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0337.64.9595

Fax:

Email:

Website: [vichyagency.com](http://vichyagency.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                       | 4641     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh. | 4649     |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép.                                                                  | 4669     |
| 4.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4741     |
| 5.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                  | 4742     |
| 6.  | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                            | 4751     |
| 7.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4753     |
| 8.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                    | 4759     |
| 9.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                   | 4761     |
| 10. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                           | 4771     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                            | 4772 |
| 12. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4773 |
| 13. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                               | 4774 |
| 14. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5820 |
| 15. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Việc sản xuất các phim video, các chương trình truyền hình hoặc chương trình quảng cáo trên truyền hình (trừ hoạt động báo chí và các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                               | 5911 |
| 16. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5912 |
| 17. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(trừ hoạt động báo chí và các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5913 |
| 18. | Hoạt động viễn thông có dây<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động mua quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác và điều hành hệ thống đó để cung cấp dịch vụ viễn thông cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp;<br>- Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây<br>(Điều 36 luật viễn thông 2018)                                                                              | 6110 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Hoạt động viễn thông không dây<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động vận hành, duy trì hoặc cung cấp việc tiếp cận các phương tiện truyền giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh, sử dụng hạ tầng viễn thông không dây. Hệ thống truyền dẫn cung cấp truyền dẫn đa hướng theo sóng truyền phát trên không trung, có thể sử dụng công nghệ đơn hoặc kết hợp nhiều công nghệ. Hoạt động duy trì và điều hành nhắn tin di động và mạng viễn thông không dây khác.<br>- Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông không dây<br>(Điều 36 luật viễn thông 2018) | 6120        |
| 20. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6190        |
| 21. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6201        |
| 22. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6202        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6209        |
| 24. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6311        |
| 25. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6312        |
| 26. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6399        |
| 27. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310(Chính) |
| 28. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7320        |
| 29. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8230        |
| 30. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị, thiết kế đồ họa;<br>- Hoạt động trang trí nội thất;<br>- Thiết kế website (Nghị định số 72/2013/NĐ-CP);                                                                                                                                                                                                                        | 7410        |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

*Một trăm triệu Việt Nam đồng*

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                     | Loại cổ<br>phần         | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN THU<br>THỦY    | Thôn Phương La<br>3, Xã Thái<br>Phường, Huyện<br>Hưng Hà, Tỉnh<br>Thái Bình, Việt<br>Nam                               | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 5.000         | 50.000.000               | 50,000       | C3678128                                                                                                               |            |
|     |                     |                                                                                                                        | Tổng số                 | 5.000         | 50.000.000               | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                        |                         |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐỖ ĐỨC ANH          | TT công ty<br>SXKD của<br>NTTHN, tổ 59,<br>Phường Dịch<br>Vọng Hậu, Quận<br>Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 1.000         | 10.000.000               | 10,000       | 013083235                                                                                                              |            |
|     |                     |                                                                                                                        | Tổng số                 | 1.000         | 10.000.000               | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                        |                         |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 3   | NGUYỄN<br>ĐỨC CHÍNH | Thôn Duyên<br>Trường, Xã Tây<br>Đô, Huyện Hưng<br>Hà, Tỉnh Thái<br>Bình, Việt Nam                                      | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 4.000         | 40.000.000               | 40,000       | 0340950067<br>66                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                        | Tổng số                 | 4.000         | 40.000.000               | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                        |                         |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC CHÍNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/10/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034095006766

Ngày cấp: 08/04/2019

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Duyên Trường, Xã Tây Đô, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Duyên Trường, Xã Tây Đô, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội